

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG**



LÊ THỊ MAI HẰNG

**LIÊN KẾT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT**

Chuyên ngành: Kinh tế phát triển

Mã số: 60.31.01.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ PHÁT TRIỂN

Đăk Lăk - Năm 2016

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **GS.TS. Nguyễn Trường Sơn**

Phản biện 1: **GS.TS. Võ Xuân Tiến**

Phản biện 2: **TS. Hoàng Văn Long**

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế Phát triển họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 16 tháng 10 năm 2016

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng;
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết đề tài

Buôn Ma Thuột là trung tâm kinh tế chính trị xã hội của tỉnh Đắk Lắk, đồng thời cũng là trung tâm có vị trí chiến lược quan trọng của toàn vùng Tây Nguyên. Thành phố có diện tích tự nhiên 377,096km², có 21 đơn vị hành chính cấp xã phường (gồm 13 phường và 8 xã) với dân số 355.674 người (năm 2015) gồm trên 40 dân tộc anh em đang làm ăn sinh sống.

Buôn Ma Thuột có 35% dân số sống ở nông thôn và hoạt động sản xuất nông nghiệp. Hoạt động sản xuất nông nghiệp sử dụng 74,16% diện tích đất và đóng góp 13,4% tổng giá trị sản xuất theo giá hiện hành. Hoạt động sản xuất nông nghiệp tập trung vào các loại nông sản nổi tiếng và có thế mạnh như tiêu, cà phê, cao su, bơ, sầu riêng ... Tuy nhiên hoạt động sản xuất và tiêu thụ các loại nông sản kể trên phụ thuộc nhiều vào yếu tố thị trường, giá cả và điều kiện tự nhiên. Trong đó khó khăn thách thức lớn nhất là được mùa mất giá. Đồng thời điều kiện bảo quản và chế biến nông sản sau thu hoạch chưa tốt khiến cho chất lượng nông sản thấp, vì vậy tuy sản lượng và giá trị nông sản xuất khẩu qua các năm liên tục tăng nhưng giá trị gia tăng thấp. Trong chuỗi giá trị nông sản nước ta chủ yếu tham gia ở khu vực sản xuất nên giá trị gia tăng nhỏ.

Liên kết kinh tế là hình thức hợp tác giữa hai hay nhiều chủ thể kinh tế trong hoạt động kinh tế nhằm mang lại lợi ích nhiều hơn cho các bên tham gia. Mục tiêu của liên kết kinh tế là nhằm phát huy các lợi thế, bù đắp các hạn chế thiếu hụt của các bên tham gia thông qua phối hợp hoạt động giữa các bên.

Để phát triển sản xuất nông nghiệp vấn đề liên kết giữa các chủ thể khác nhau trong sản xuất nông nghiệp (nông dân, doanh nghiệp và tổ chức kinh tế, nhà nước – nhà quản lý, nhà khoa học) trong sản xuất và tiêu thụ nông sản là hết sức quan trọng. Nhằm khuyến khích liên kết trong hoạt động sản xuất nông nghiệp Thủ tướng chính phủ đã ban hành nghị định 62/2013/QĐTTg về “Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn”. Tại thành phố Buôn Ma Thuột các liên kết kinh tế trong nông nghiệp đã hình thành và phát huy tác dụng nhất định trong sự phát triển nông nghiệp của thành phố. Tuy nhiên các liên kết này chưa thật sự bền vững, còn lỏng lẻo và vẫn còn nhiều hạn chế. Do việc tổ chức liên kết chưa hiệu quả nên phần lớn các thiết thể đều dồn cho người nông dân hoặc các tổ chức sản xuất nông nghiệp.

Xuất phát từ thực tiễn trên tôi xin chọn đề tài ***“Liên kết sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột”*** làm đề tài nghiên cứu nhằm tìm hiểu tình hình liên kết sản xuất nông nghiệp, các khó khăn, thuận lợi và đề ra các giải pháp nhằm phát triển liên kết sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Góp phần hệ thống hóa lý luận về liên kết sản xuất nông nghiệp.
- Tìm hiểu tình hình liên kết sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk.
- Đề xuất các giải pháp phù hợp để phát triển liên kết sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến liên kết trong sản xuất nông nghiệp.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về mặt nội dung: Luận văn nghiên cứu về liên kết trong sản xuất nông nghiệp tập trung vào sản xuất cà phê thành phố Buôn Ma Thuột.

- Về mặt không gian: Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Về mặt thời gian: Số liệu thứ cấp thu thập trong giai đoạn 2008-2015 và các giải pháp đề xuất trong luận văn định hướng đến năm 2020.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Sử dụng phương pháp điều tra để thu thập số liệu sơ cấp trên 80 hộ tại 3 xã Hòa Thuận, Ea Kao và xã Cư Êbur về liên kết sản xuất cà phê, lúa.

- Sử dụng phần mềm Excel và các phần mềm khác để tính toán số liệu.

- Sử dụng phương pháp thống kê mô tả thực trạng liên kết sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố.

- Sử dụng phương pháp phân tích và tổng hợp trong việc phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến liên kết sản xuất nông nghiệp.

5. Ý nghĩa khoa học của đề tài

Đề tài là một công trình khoa học, tài liệu tham khảo cho những người học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp, giúp cho lãnh đạo địa phương có những giải pháp khoa học trong phát triển nông nghiệp.

6. Bố cục của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung chính của luận văn được chia thành 3 chương:

Chương 1. Cơ sở lý luận về liên kết sản xuất nông nghiệp.

Chương 2. Thực trạng liên kết sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Chương 3. Giải pháp phát triển liên kết sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

7. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Bùi Quang Bình (2013), *Dân số và phát triển kinh tế Miền Trung – Tây Nguyên*, NXB Thông tin và Truyền thông [2, tr.165]

Vai trò của liên kết sản xuất đối với nông nghiệp và nông thôn.

OXPAM (2015), *Tóm tắt Báo cáo GROW Hợp tác liên kết nông dân trong sản xuất nông nghiệp theo tiếp cận thúc đẩy quyền, tiếng nói, lựa chọn của nông dân: Hiện trạng, khuyến nghị và chính sách* [11, tr.8].

Nghị quyết Số: 35/2006/NQ-HĐND về quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020 [9].

Bộ Nông nghiệp và nông thôn Dự án cạnh tranh nông nghiệp (2014), *Báo cáo hoàn thành dự án* [4].

Hồ Quế Hậu (2010), *Liên kết kinh tế giữa doanh nghiệp chế biến nông sản với nông dân ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân [6].

Huỳnh Chiến Thắng (2015), *Phát triển hợp tác xã nông nghiệp ở tỉnh Đắk Lắk*, Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Đà Nẵng [14].

Th.S. Võ Thị Kim Sa, *Tầm quan trọng của hợp tác trong sản xuất Nông nghiệp* [12].

Nguyễn Thị Châm (2014), *Nghiên cứu các mối liên kết kinh tế trong sản xuất lúa gạo của hộ nông dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định*, Luận văn Thạc sĩ kinh tế, Học viện Nông nghiệp Việt Nam [5].

Viện nghiên cứu phát triển kinh tế xã hội Đà Nẵng (2012), *Phát triển liên kết kinh tế giữa nông dân với các chủ thể khác ở thành phố Đà Nẵng*, Báo cáo khoa học [23].

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ LIÊN KẾT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

1.1. KHÁI QUÁT VỀ LIÊN KẾT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

1.1.1. Khái niệm liên kết sản xuất nông nghiệp

a. Khái niệm về liên kết kinh tế

Bách khoa toàn thư Việt Nam định nghĩa liên kết kinh tế là hình thức hợp tác và phối hợp thường xuyên các hoạt động do các đơn vị tự nguyện tiến hành để cùng đề ra và thực hiện các chủ trương, biện pháp có liên quan đến công việc sản xuất kinh doanh của các bên tham gia nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển theo hướng có lợi nhất. Được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi thông qua hợp đồng kinh tế ký kết giữa các bên tham gia và trong khuôn khổ pháp luật của nhà nước. [1]

Quyết định số 38/HĐBT ngày 10 tháng 4 năm 1989 về “Liên kết kinh tế trong sản xuất, lưu thông, dịch vụ” của nhà nước đã nêu liên kết kinh tế là những hình thức phối hợp hoạt động, do các đơn vị kinh tế tự nguyện tiến hành để cùng nhau bàn bạc và đề ra các chủ trương, biện pháp có liên quan đến công việc sản xuất, kinh doanh của mình, nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển theo hướng có lợi nhất [8].

b. Khái niệm về liên kết sản xuất nông nghiệp

Từ định nghĩa liên kết kinh tế nêu trên có thể khái quát định nghĩa liên kết kinh tế trong hoạt động sản xuất nông nghiệp như sau: Liên kết kinh tế trong hoạt động sản xuất nông nghiệp là những hình thức hợp tác và phối hợp hoạt động do các đơn vị tự nguyện tiến hành để cùng bàn bạc và đề ra các chủ trương biện pháp liên quan đến hoạt động sản xuất nông nghiệp của các bên tham gia, nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển theo hướng có lợi nhất. Được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi thông qua hợp đồng kinh tế được ký kết hoặc thỏa thuận giữa các bên tham gia và nằm trong khuôn khổ pháp luật của nhà nước.

1.1.2. Vai trò liên kết kinh tế trong sản xuất nông nghiệp

Liên kết kinh tế trong sản xuất nông nghiệp là phương thức thiết lập sự ổn định quá trình sản xuất

Liên kết kinh tế trong sản xuất nông nghiệp là cầu nối hỗ trợ lẫn nhau giữa nông dân, doanh nghiệp, nhà khoa học và nhà quản lý.

Liên kết kinh tế trong sản xuất nông nghiệp tạo điều kiện thực hiện chia sẻ rủi ro giữa doanh nghiệp.

Liên kết kinh tế trong sản xuất nông nghiệp là phương thức hữu hiệu để gia tăng chất lượng và giá trị nông sản phẩm, nâng cao trình độ sản xuất.

Liên kết kinh tế trong sản xuất nông nghiệp là một trong những động lực thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa.

1.2. NỘI DUNG LIÊN KẾT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

1.2.1. Lĩnh vực liên kết trong sản xuất nông nghiệp

Các lĩnh vực của một liên kết kinh tế có thể bao gồm 4 lĩnh vực chủ yếu: Mua bán nông sản, đầu tư cho sản xuất, góp vốn kinh doanh và khoa học công nghệ. Thông thường người ta không nghiên

cứu các lĩnh vực liên kết một cách riêng rẽ mà kết hợp chúng lại theo những cách khác nhau thành các loại hình, vừa phản ánh nội dung, vừa phản ánh độ sâu của liên kết [6].

a. Liên kết mua và bán nông sản

b. Liên kết đầu tư cho sản xuất

c. Liên kết về khoa học công nghệ

d. Liên kết vốn kinh doanh

1.2.2. Các chủ thể tham gia liên kết trong sản xuất nông nghiệp

a. Nông dân

- Nông dân sản xuất ra nguyên liệu gia dụng, lương thực, thực phẩm phục vụ cho đời sống của con người.

- Sản xuất, cung cấp nguyên vật liệu cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

- Cung cấp vốn cho các ngành kinh tế thông qua các nguồn thuế.

- Người nông dân cũng là một người tiêu thụ hàng hóa.

b. Nhà nước

+ Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

+ Phát huy lợi thế từng vùng và cả nước, áp dụng nhanh các tiến bộ khoa học - công nghệ .

+ Phát triển nền nông nghiệp với nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo...

c. Nhà khoa học

- Giúp xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm

- Các nhà khoa học còn lai ghép nhiều giống cây mới

- Giúp nông dân áp dụng KHCN để đạt sản lượng cao lợi của địa phương. Từ đó đề xuất những quy hoạch, giải pháp để đối phó biến đổi khí hậu.

- Trong bối cảnh đất đai ngày càng khan hiếm, chất lượng đất ngày càng kém, nguồn nước thì ngày càng ô nhiễm, mực nước ngầm xuống rất thấp để có hiện tượng thiếu nước vào mùa khô như hiện nay, các nhà khoa học còn nghiên cứu các mô hình, công nghệ quy trình sản xuất sao cho tiết kiệm được nguồn nước, cải thiện, phục hồi được những phần đất suy thoái nhưng lại không gây ra ô nhiễm môi trường.

- Nhà khoa học chính là việc bảo tồn và phát huy những giống gen cây trồng, vật nuôi quý hiếm có nguy cơ biến mất. Lai tạo những giống cây, con này với các giống cây, con hiện tại để tạo ra nguồn gen quý.

Như vậy có thể thấy, để nông nghiệp phát triển một cách bền vững thì vai trò của những nhà khoa học là rất quan trọng.

d. Doanh nghiệp

Sản phẩm của nhà nông muốn được trao đổi trên thị trường, chuyển đến người tiêu dùng đều phải thông qua các doanh nghiệp. Việc các nhà doanh nghiệp hỗ trợ nông dân, liên kết nông dân, giúp nông dân tiêu thụ sản phẩm cũng là mắt xích quan trọng thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển. Mặt khác, ba vấn đề lớn của kinh tế thị trường mà từng nhà nông không thể giải quyết được là thị trường tiêu thụ và thương hiệu, công nghệ mới, vốn đầu tư. Và cũng chỉ có doanh nghiệp mới có thể giải quyết tốt ba vấn đề này. Giải quyết ba vấn đề này không chỉ mang lại lợi ích cho nhà nông mà cho cả nhà doanh nghiệp chế biến - tiêu thụ nông sản.

1.2.3. Loại hình và mức độ liên kết trong sản xuất nông nghiệp

a. Các loại hình liên kết kinh tế

- Liên kết dọc
- Liên kết ngang
- Liên kết nghiêng

b. Mức độ liên kết

c. Các mô hình liên kết

- * ***Hợp đồng: (tập trung trực tiếp)***
- * ***Hợp tác***
- * ***Đa thành phần (đa chủ thể)***
- * ***Hạt nhân trung tâm (Trang trại hạt nhân)***
- * ***Trung gian***
- * ***Phi chính thức***
- * ***Hiệp hội***
- * ***Liên kết chuỗi***
- * ***Liên kết mạng (lưới)***

1.2.4. Giải quyết tranh chấp trong quá trình thực hiện liên kết

1.3. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN LIÊN KẾT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

1.3.1. Trình độ phát triển kinh tế - xã hội

1.3.2. Nhu cầu và sự biến động của thị trường

1.3.3. Sự quản lý của nhà nước

1.3.4. Vai trò của các tổ chức xã hội

1.4. KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương 1 đã giới thiệu được các khái niệm của liên kết kinh tế và liên kết kinh tế trong sản xuất nông nghiệp, khẳng định vai

trò quan trọng của liên kết kinh tế trong sản xuất nông nghiệp. Chương 1 giới thiệu được nội dung liên kết sản xuất nông nghiệp gồm 4 vấn đề bao gồm: Lĩnh vực liên kết trong sản xuất nông nghiệp. Các chủ thể tham gia trong liên kết sản xuất nông nghiệp. Các loại hình và mức độ liên kết. Giải quyết tranh chấp trong quá trình liên kết

Chương 1 đã liệt kê được những nhân tố ảnh hưởng đến liên kết kinh tế trong nông nghiệp bao gồm: Trình độ phát triển kinh tế xã hội. Nhu cầu và sự biến động của thị trường. Sự quản lý của nhà nước. Vai trò của các tổ chức xã hội

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG LIÊN KẾT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

2.1. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ XÃ HỘI CỦA THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

2.2. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

2.2.1. Tình hình sản xuất ngành trồng trọt của thành phố Buôn Ma Thuột

Giá trị sản xuất ngành trồng trọt năm 2008 là 1.601.170 tỷ đồng đến năm 2014 là 1.353.703 tỷ đồng giảm 247.467 tỷ đồng. Ngành trồng trọt vẫn là ngành sản xuất chính của nông nghiệp chiếm tỷ trọng 61,76% giá trị sản xuất ngành nông nghiệp năm 2014.

a. Tình hình sản xuất cây lương thực thực phẩm của thành phố Buôn Ma Thuột

Theo số liệu bảng 2.4 có thể thấy ngô là cây lương thực có diện tích lớn nhất năm 2014 có diện tích 3.649ha. Diện tích lúa có xu

hướng ổn định qua các năm, diện tích lúa năm 2008 là 3.049ha đến năm 2014 là 3.014ha. Diện tích cây chất bột lấy củ có xu hướng giảm năm 2008 là 885ha, đến năm 2013 giảm còn 590ha, tuy nhiên năm 2014 diện tích cây lấy bột củ tăng lên là 784ha. Diện tích rau năm 2014 của thành phố là 1.374ha đã tăng lên đáng kể so với năm 2008 là 945ha. Diện tích cây đậu có xu hướng giảm mạnh, năm 2008 là ha đến năm 2014 chỉ còn 506ha

Nhìn vào bảng 2.5 có thể thấy sản lượng lúa năm 2014 là 18.814 tấn cao hơn năm 2008 là 1,359 tấn mặc dù diện tích lúa năm 2014 giảm so với năm 2008 là 0,035ha. Kết quả này là nhờ việc áp dụng các giống lúa mới có năng suất cao đồng thời áp dụng khoa học kỹ thuật mới có hiệu quả.

Sản lượng ngô thay đổi qua từng năm tùy theo diện tích gieo trồng. Sản lượng ngô bình quân giai đoạn 2008-2014 là 22.001 tấn/năm.

Tương tự sản lượng cây chất bột lấy củ cũng tăng giảm tùy theo diện tích gieo trồng, sản lượng cây chất bột lấy củ bình quân là 12.790 tấn/năm.

Diện tích rau có xu hướng mở rộng nên sản lượng rau cũng tăng lên qua các năm. Năm 2008 là 20.139 tấn, đến năm 2014 là 27.802 tấn.

Diện tích đậu giảm mạnh nên sản lượng đậu cũng giảm mạnh. Năm 2008 là 1.174 tấn đến năm 2014 còn 629 tấn.

b. Tình hình sản xuất cây công nghiệp của thành phố Buôn Ma Thuột

Nhìn vào bảng 2.6 có thể thấy Diện tích cà phê trong giai đoạn 2008-2014 có xu hướng giảm nhẹ, năm 2008 diện tích cà phê là 13.823ha, đến năm 2014 giảm còn 13.125ha.

Diện tích cao su giai đoạn 2008-2014 có xu hướng ổn định với diện tích bình quân 774,71 ha/năm.

Diện tích cây tiêu tăng nhanh trong giai đoạn 2008-2014. Năm 2008 là 239ha đến năm 2014 đã tăng gấp 2,18 lần lên 251ha. Trong giai đoạn 2008-2014 giá tiêu liên tục tăng cao và ổn định nên nông dân có xu hướng chuyển từ các cây trồng khác sang trồng tiêu nên diện tích tiêu liên tục được mở rộng.

Trong giai đoạn 2008-2014 diện tích điều có xu hướng giảm, năm 2008 là 557 ha đến năm 2014 còn 479ha.

Diện tích mía trong giai đoạn 2008-2014 có xu hướng giảm mạnh năm 2008 là 1924 ha đến năm 2014 là 1318 ha giảm 606ha. Do chi phí trồng mía tăng lên nhưng giá mía lại thấp nên nông dân có xu hướng chuyển sang trồng loại cây có hiệu quả kinh tế cao hơn.

2.2.2. Tình hình sản xuất ngành chăn nuôi của thành phố Buôn Ma Thuột

Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi năm 2008 là 409.51 tỷ đồng đến năm 2014 tăng lên 627.106 tỷ đồng, tăng 1,5 lần so với năm 2008. Tỷ trọng ngành chăn nuôi trong giá trị sản xuất ngành nông nghiệp năm 2014 là 28,61%

Sản lượng đàn trâu trong giai đoạn 2008-2014 có xu hướng ổn định với số lượng 265 con/năm. Đàn bò có xu hướng giảm. năm 2008 là 12.048 con đến năm 2014 là 8.083 con. Đàn lợn có xu hướng tăng nhanh năm 2008 là 81.843 con đến năm 2014 là 105.891 con. Đàn dê trong những năm gần đây có xu hướng tăng lên. Năm 2014 số lượng đàn dê là 6.704 con. Mặc cho các dịch bệnh gây ảnh hưởng nhưng số lượng đàn gia cầm vẫn tăng lên qua các năm. Năm 2008 là 685.894 con đến năm 2014 tăng lên 1.457.773 con gấp 2,1 lần.

2.2.3. Tình hình phát triển dịch vụ nông nghiệp của thành phố Buôn Ma Thuột

Giá trị ngành dịch vụ nông nghiệp tăng lên qua hàng năm. Năm 2008 là 126.623 triệu đồng, đến năm 2014 tăng lên 210.275 triệu đồng. Tuy nhiên tỷ trọng ngành dịch vụ nông nghiệp còn khá nhỏ bình quân là 6,23%/năm.

2.3. THỰC TRẠNG LIÊN KẾT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

2.3.1. Thực trạng các lĩnh vực liên kết trong sản xuất nông nghiệp tại thành phố Buôn Ma Thuột

a. Liên kết mua và bán nông sản

Liên kết mua và bán nông sản là lĩnh vực liên kết phổ biến nhất trong hoạt động liên kết sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, diễn ra giữa doanh nghiệp thu mua, chế biến và nông dân. Đây là một hình thức liên kết dọc. Doanh nghiệp thu mua chế biến thường ký hợp đồng với nông dân từ đầu vụ sản xuất với các thỏa thuận về lượng nông sản, loại nông sản và giá cả. Doanh nghiệp có thể thực hiện kí kết với hộ nông dân, trang trại, tổ chức đại diện cho hộ nông dân như tổ hợp tác hoặc hợp tác xã.

Một số liên kết trong lĩnh vực mua bán nông sản giữa doanh nghiệp và nông dân trên địa bàn TP BMT như sau: Hợp tác xã Thuận Hòa cung cấp các loại rau cho siêu thị VINMART, doanh nghiệp Hoàng Xuyên thu mua cà phê của các hộ nông dân trên địa bàn xã Cư Êbua. Công ty TNHH Thu Nhon liên kết thu mua bơ của 100 hộ nông dân liên kết. CT Đăk Man thu mua cà phê của nông dân xã Hòa Thuận. CT Anh Minh mua cà phê của các hộ liên kết trên địa bàn TP.BMT.

b. Liên kết đầu tư cho sản xuất

Điển hình của liên kết đầu tư cho sản xuất là liên kết của Công ty cổ phần thực vật bảo vệ An Giang cung cấp cây giống, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật cho nông dân trồng lúa ở Thôn Tân Hưng, xã Ea Kao và nông dân trồng cà phê ở xã Hòa Thuận. CT Pepsico hỗ trợ giống phân bón cho nông dân trồng khoai tây, CT Nestle hỗ trợ 50% giá cây giống cho hộ có nhu cầu. Đây cũng là hình thức liên kết dọc.

c. Liên kết về khoa học công nghệ

Trong lĩnh vực liên kết về khoa học công nghệ cũng trong mô hình cánh đồng lúa mẫu tại Thôn Tân Hưng, xã Ea Kao Công ty cổ phần thực vật bảo vệ An Giang đã chuyển giao cho các hộ nông dân quy trình trồng và chăm sóc giống lúa OM 5953, sử dụng ít phân bón thuốc bảo vệ thực vật hơn, nhưng đồng thời năng suất lúa lại cao hơn các giống địa phương thường trồng và vẫn đảm bảo môi trường sinh thái.

Trong chương trình sản xuất cà phê bền vững cán bộ Viện KHKT NLN Tây Nguyên đã hướng dẫn nông dân trồng cà phê theo tiêu chuẩn chất lượng 4C tránh dùng phân vô cơ, sử dụng phân sinh học phát triển bộ rễ,.

d. Liên kết vốn kinh doanh

2.3.2. Thực trạng các chủ thể tham gia liên kết sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột

a. Nông hộ

Nhìn chung quy mô đất đai, nguồn vốn, lao động của hộ còn nhỏ lẻ phân tán nên cần hỗ trợ nhiều để phát triển sản xuất. Cụ thể diện tích bình quân của 1 hộ trong liên kết sản xuất cà phê ở Hòa

Thuận là 0,7ha, ở Cư Êbur là 1,74ha, liên kết sản xuất lúa ở Ea Kao là 0,12ha.

b. Doanh nghiệp nông nghiệp

Hầu hết các DN tên hành LKSX trên địa bàn TP.BMT là các doanh nghiệp lớn, hoạt động trên phạm vi trong và ngoài tỉnh, thị trường thế giới. trong đó có cả các doanh nghiệp quốc tế như Nestle, Anh Minh, Đắk Man, Simeco, Trung Nguyên...Các doanh nghiệp này có nguồn vốn lớn để đầu tư liên kết sản xuất đồng thời có nhu cầu thu mua lượng nông sản lớn. Đây là cơ sở để liên kết sản xuất xây dựng vùng nguyên liệu lớn.

c. Nhà nước

Sự tham gia của nhà nước trong liên kết sản xuất nông nghiệp ở đây cụ thể là UBND TP và UBND các xã phường qan đặc biệt là UBND TP đã có những hành động thực tiễn để đẩy mạnh hoạt động liên kết sản xuất nông nghiệp trên địa bàn như tập trung xây dựng mô hình Cánh đồng cà phê mẫu tại Hòa Thuận.Xây dựng cánh đồng lúa tại Xã Ea Kao

d. Nhà khoa học

Trên địa bàn TP.BMT có Viện nghiên cứu khoa học nông lâm nghiệp Tây Nguyên, trường Đại học Tây Nguyên hàng năm cung cấp đáng kể lực lượng cán bộ kỹ thuật nông lâm- nghiệp và các sản phẩm nghiên cứu khoa học về ngành nông lâm nghiệp cho địa bàn thành phố.

e. Các tổ chức phát triển nông nghiệp khác

Sự phát triển và thành công của các liên minh sản xuất nông nghiệp trên địa bàn TP.BMT nói riêng và tỉnh Đắk Lắk nói chung có sự đóng góp và hỗ trợ rất lớn của các tổ chức quốc tế như Ngân hàng thế giới, Ngân hàng châu Á, UTZ, Chính phủ một số nước. Các tổ

chức này đã tài trợ nguồn vốn, khoa học kỹ thuật, nhân lực trình độ cao, giống cây con, máy móc trang thiết bị nhằm xây dựng các dự án sản xuất nông nghiệp hiệu quả cao, nhân rộng và ứng dụng các dự án này nhằm mang lại hiệu quả kinh tế nâng cao thu nhập cho người nông dân, phát triển hạ tầng cơ sở nông thôn tạo điều kiện cho phát triển nông nghiệp và nông thôn, tổ chức tập huấn chuyển giao kỹ thuật sản xuất cho người nông dân.

2.3.3. Thực trạng các loại hình và mức độ liên kết

a. Hình thức hợp đồng (Tập trung trực tiếp)

Là hình thức tập trung trực tiếp doanh nghiệp thu mua, chế biến kí hợp đồng trực tiếp với nông dân.

b. Hình thức đa thành phần (Đa chủ thể)

Hình thức liên kết đa thành phần là nhiều bên cùng tham gia liên kết, tiêu biểu như liên kết Bốn nhà.

c. Hình thức hạt nhân trung tâm (Trang trại hạt nhân)

Hình thức liên kết này thường bắt gặp trong các nông trường giao khoán cho nông trường viên.

d. Hình thức trung gian

Trong hình thức này liên kết được thực hiện thông qua một tổ chức trung gian.

e. Hình thức phi chính thức

Đây là hình thức thỏa thuận hợp đồng miệng, tiêu biểu như thỏa thuận giữa nông dân và cơ sở thu mua.

g. Hình thức tổ hợp tác và hợp tác xã

Hình thức liên kết tổ hợp tác là hình thức hợp tác tự nguyện giữa ba cá nhân trở lên. Trên địa bàn TP.BMT có nhiều tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp tuy nhiên chỉ một số tổ hợp tác được chính quyền UBND cấp xã phường chứng thực còn lại chưa được chứng

thực. Hợp tác xã nông nghiệp có 21 HTX chiếm 13% tổng số HTX nông nghiệp của tỉnh Đắk Lắk

h. Đánh giá về mức độ liên kết.

Hầu hết các liên kết vẫn còn lỏng lẻo kể cả các liên kết mà nông dân đã tiến hành ký kết với doanh nghiệp.

2.3.4. Thực trạng phát sinh và giải quyết các tranh chấp trong quá trình liên kết sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.

Vì liên kết còn lỏng lẻo, khi ký kết hợp đồng liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp chưa có các chế tài xử lý cụ thể nên các tranh chấp thường được bỏ qua hoặc hai bên tự thỏa thuận giải quyết với nhau.

2.4. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH LIÊN KẾT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT

2.4.1. Những thành công

Nhìn vào bảng 2.16. có thể thấy khi thực hiện liên kết năng suất cà phê tăng lên từ 1 đến 1.6 tấn/ha, có trường hợp còn tăng cao hơn.

Chi phí sản xuất cà phê giảm từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng /ha đối với liên kết sản xuất cà phê tại xã Hòa Thuận. Thu nhập tăng lên đối với cà phê khi chưa thực hiện liên kết là từ 41.386.500đ đến 65.529.000đ/ha, đối với lúa là 10.000.000đ/ha. Đó là chưa kể phần thu nhập do phần chi phí sản xuất giảm xuống.

Cà phê liên kết sản xuất theo các chứng chỉ như 4C, UTZ làm cho giá thu mua cà phê cao hơn giá bình thường 300đ/kg hay còn gọi là giá thưởng. Điều này có nghĩa là người nông dân sẽ thu thêm được 300.000đ/kg cà phê khi thực hiện liên kết sản xuất.

Ngoài ra LKSX NN trên địa bàn TP.BMT đã đạt được một số kết quả như:

Đã hình thành được các mô hình liên kết có hiệu quả theo quy mô khác nhau và trên các loại nông sản khác nhau.

Thu hút được sự tham gia và quan tâm của đông đảo nông dân đối với các hình thức liên kết sản xuất.

Xây dựng thành công một số thương hiệu nông sản và vùng nguyên liệu cho một số doanh nghiệp chế biến.

Nâng cao thu nhập, mức sống và nhận thức cho một số lượng nông dân.

Nâng cao chất lượng nông sản đáp ứng cho nhu cầu thị trường.

2.4.2. Những tồn tại, hạn chế

Các mô hình thành công chưa được nhân rộng.

Quy mô của các liên kết còn nhỏ.

Việc phá vỡ hợp đồng liên kết như hợp đồng tiêu thụ nông sản dễ bị phá vỡ.

Sự tham gia của Nhà khoa học trong các liên kết sản xuất còn hạn chế.

Một số liên kết thành công do các tổ chức bên ngoài tài trợ không duy trì được khi tài trợ kết thúc.

2.4.3. Nguyên nhân của những tồn tại

- Sự phối hợp giữa các đơn vị trong ban quản lý cánh đồng mẫu chưa nhịp nhàng và gắn kết.

- Địa Phương chưa thực sự quan tâm thích đáng đến việc hỗ trợ, tạo điều kiện cho mô hình này phát triển.

- Tổ hợp tác còn gặp nhiều khó khăn và lúng túng trong thực tế hoạt động, tổ chức chưa chặt chẽ, quan hệ hợp tác còn lỏng lẻo, không đảm bảo tính ổn định và bền vững, tư cách pháp lý không rõ ràng, nên gặp nhiều khó khăn trong quan hệ giao dịch kinh tế và tín dụng. Hoạt động thiếu ổn định, năng lực của ban điều hành còn hạn chế.

- Thành viên chỉ quan tâm đến việc hỗ trợ vay vốn cũng như đầu tư vật tư nông nghiệp, tiền công thường khi bán cà phê chứng nhận... chủ quan với việc cập nhật và áp dụng tiến bộ Khoa học Kỹ thuật, vì vậy tỷ lệ tham gia các đợt tập huấn rất thấp, thành viên chưa nhận thức được việc trao đổi tiếp thu tiến bộ khoa học kỹ thuật là nhu cầu quan trọng của bản thân để nâng cao thu nhập kinh tế cho gia đình và lợi ích cho cộng đồng.

Quy mô vốn và đất đai của từng hộ nông còn nhỏ lẻ, manh mún.

Mối liên kết còn lỏng lẻo. Chưa có cơ chế liên kết ràng buộc và phân chia lợi nhuận rõ ràng.

Trình độ nhận thức và ý thức tôn trọng hợp đồng của một bộ phận người nông dân chưa cao.

Yếu tố thị trường như sự biến động giá cả, nhu cầu.

2.5. NHỮNG NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN LIÊN KẾT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

2.5.1. Trình độ phát triển kinh tế xã hội

2.5.2. Nhu cầu và sự biến động của thị trường

2.5.3. Sự quản lý của nhà nước

2.5.4. Vai trò của tổ chức xã hội

2.6. KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 đã khái quát được điều kiện tự nhiên và kinh tế xã hội của thành phố Buôn Ma Thuột và tập trung vào tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột. Có thể thấy thế mạnh của của nông nghiệp của Thành phố Buôn Ma Thuột là các cây công nghiệp dài ngày như mía, tiêu, điều đặc biệt là cà phê thích hợp với diện tích đất đỏ bazan lớn và khí hậu nhiệt đới ẩm,

hai mùa mưa nắng rõ rệt. Đây là điều kiện cực kỳ thuận lợi cho việc xây dựng vùng nguyên liệu rộng lớn lâu dài cho sản xuất và tiêu thụ nông sản là cơ sở cho việc thực hiện liên kết sản xuất, xây dựng cánh đồng lớn.

Chương 2 đã nêu được thực trạng liên kết sản xuất vùng nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột bao gồm:

Thực trạng các lĩnh vực liên kết trong sản xuất nông nghiệp tại thành phố Buôn Ma Thuột.

Thực trạng các chủ thể tham gia liên kết trong sản xuất nông nghiệp, thực trạng các hình thức và mức độ liên kết trong sản xuất nông nghiệp tại Thành phố Buôn Ma Thuột

Thực trạng phát sinh và giải quyết tranh chấp trong quá trình liên kết sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột

Từ đó đánh giá những thành công, những tồn tại hạn chế và tìm ra được nguyên nhân của những tồn tại đó. Dựa trên những cơ sở thực trạng đó để xây dựng các giải pháp liên kết sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Buôn Ma Thuột.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LIÊN KẾT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

3.1. CĂN CỨ ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP

3.1.1. Dự báo nhu cầu và sự biến động của thị trường nông sản

Thứ nhất, sự gia tăng dân số là một thách thức lớn đối với nền kinh tế thế giới và đối với vấn đề an ninh lương thực toàn cầu nói riêng.

Thứ hai, thị trường hàng nông sản thế giới vẫn đang có xu hướng chuyển dần về khu vực các nước đang phát triển, nhất là các nước ở khu vực Châu Á.

Thứ ba, trên thị trường thế giới đang diễn ra hướng gia tăng nhanh chóng giá trị xuất nhập khẩu các sản phẩm như thịt chế biến, dầu mỡ, sữa của nhóm các nước đang phát triển.

Thứ tư, xu hướng phát triển của thị trường nông sản thế giới sẽ chịu tác động lớn của các cuộc thương lượng mậu dịch mang tầm quốc tế.

Thứ năm, là sự dao động về giá cả các sản phẩm nông nghiệp trên thị trường thế giới luôn ở mức độ cao và xảy ra thường xuyên, bởi nguyên nhân chủ yếu là sự bất ổn định của sản xuất nông nghiệp (sự phụ thuộc vào thiên nhiên).

3.1.2. Mục tiêu, định hướng phát triển nông nghiệp thành phố Buôn Ma Thuột

Đẩy mạnh quá trình sản xuất hàng hóa gắn liền với hình thành các vùng, các tiểu vùng chuyên canh hợp lý, phù hợp với điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội của từng vùng, cho phép khai thác được lợi thế so sánh

của thành phố phục vụ nhu cầu của công nghiệp chế biến nông sản và xuất khẩu nông sản.

3.1.3. Quan điểm về phát triển liên kết sản xuất nông nghiệp tại Thành Phố Buôn Ma Thuột

Phát triển mạnh các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn. Duy trì hoạt động có hiệu quả của các tổ chức hợp tác xã/tổ hợp tác. Mỗi xã có từ 1-2 hợp tác xã, 3-5 tổ hợp tác chuyên sản xuất, làm dịch vụ, kinh doanh tổng hợp trong lĩnh vực nông nghiệp hoạt động có hiệu quả.

Tổ chức liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ các loại nông sản hàng hóa giữa trang trại – tổ hợp tác – hợp tác xã với các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn thành phố, trong và ngoài tỉnh.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN ĐỂ PHÁT TRIỂN LIÊN KẾT KINH TẾ GIỮA DOANH NGHIỆP CHẾ BIẾN VỚI NÔNG DÂN Ở VIỆT NAM

3.2.1. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý và ý thức đạo đức của doanh nghiệp và nông dân

a. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận

b. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục

3.2.2. Lựa chọn lĩnh vực liên kết thích hợp.

3.2.3. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của các chủ thể tham gia liên kết

3.2.4. Hoàn thiện hình thức tổ chức

a. Hoàn thiện hình thức hợp đồng tập trung trực tiếp.

b. Hoàn thiện hình thức trung gian

c. Hoàn thiện hình thức đa thành phần (Còn gọi là “liên kết 4 nhà”)

d. Hoàn thiện hình thức hạt nhân trung tâm

e. Hoàn thiện hình thức phi chính thức

g. hoàn thiện hình thức hợp tác xã và tổ hợp tác

3.2.5. Hoàn thiện qui tắc, ràng buộc về xử lý tranh chấp.

3.3. KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Sản xuất nông nghiệp đang và sẽ đứng trước nhiều thách thức mới, đặc biệt là trong thời buổi hội nhập kinh tế quốc tế thách thức đến từ các thị trường bên ngoài ngày càng lớn.

Phần lớn nông dân Việt Nam nói chung và Thành phố Buôn Ma Thuột nói riêng đều sản xuất nhỏ lẻ với quy mô nguồn lực sản xuất đất đai, vốn, lao động nhỏ và kỹ thuật canh tác đơn giản.

Đứng trước tình thế đó liên kết sản xuất nông nghiệp là giải pháp hàng đầu nhằm liên kết các nguồn lực tạo ra sức mạnh để phát triển nền nông nghiệp.

Trên cơ sở thực trạng ở chương 2, dự báo nhu cầu và sự biến động của thị trường nông sản, mục tiêu định hướng phát triển nông nghiệp Thành phố Buôn Ma Thuột và quan điểm phát triển liên kết sản xuất nông nghiệp tại Thành phố Buôn Ma Thuột luận văn đã đưa ra các giải pháp sau:

Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý và ý thức đạo đức của doanh nghiệp và nông dân

Lựa chọn lĩnh vực liên kết phù hợp

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của chủ thể tham gia liên kết

Hoàn thiện các hình thức tổ chức liên kết

Hoàn thiện các quy tắc giải quyết tranh chấp trong liên kết sản xuất nông nghiệp

KẾT LUẬN

Liên kết sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột đã được nhắc đến từ lâu. Liên kết sản xuất nông nghiệp bước đầu đã có nhiều thành tựu và kết quả như đảm bảo tiêu thụ nông sản cho nông dân với giá cao và ổn định nhất là đối với cà phê. Nâng cao thu nhập góp phần nâng cao đời sống cho người nông dân, nâng cao trình độ sản xuất, nâng cao chất lượng nông sản nhờ sản xuất theo các chứng chỉ nông nghiệp. Tham gia ổn định giá cả nông sản trên thị trường. Tăng sản lượng nông sản góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp.

Tuy nhiên liên kết sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố cũng đã và đang gặp nhiều khó khăn như: Nhiều diện tích sản xuất nhỏ lẻ manh mún, phân tán sản lượng sản xuất ra nhỏ lẻ. Khâu chế biến và bảo quản chất lượng sau thu hoạch kém nên dẫn đến chất lượng nông sản thấp. Trình độ của nhiều chủ thể sản xuất nông nghiệp còn kém, ý thức tôn trọng hợp đồng chưa cao, tiềm lực vốn của doanh nghiệp liên kết chưa đủ lớn để thực hiện liên kết trên quy mô lớn mà không cần hỗ trợ. Cạnh tranh mua bán trên thị trường ngày càng gay gắt.

Cần thiết thực hiện đồng bộ các giải pháp để phát triển liên kết sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột.